

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh
2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự số: 744/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1978 - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường P, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà L kết hôn với ông T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng, vợ chồng không có được tiếng nói chung và niềm tin với

nhau nên không có sự cảm thông, chia sẻ. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ 2017 cho tới nay. Nay bà L nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên bà L xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Việt N, sinh 16/3/2011. Khi ly hôn bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L. Cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T. Giao con chung là Nguyễn Việt N, sinh ngày 16/3/2011 cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 04/12/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà L – ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên không có sự cảm thông chia sẻ; Chính quyền địa phương cho biết bà L

đã bỏ nhà không còn chung sống với ông T từ năm 2017 cho tới nay. Về phía ông T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý hợp lệ nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L – ông T đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông T của bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Việt N, sinh 16/3/2011, từ khi vợ chồng ly thân cháu N đều ở với bà L, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu N, ý kiến của cháu N cũng xin được ở với bà L, bản thân bà L là thợ may có thu nhập ổn định, nên chấp nhận giao cháu N cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Bà L xác định không có.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Xuân T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Nguyễn Việt N, sinh 16/3/2011 cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và công nợ: Bà Nguyễn Thị Thùy L xác định không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp thay bà Nguyễn Thị Thùy L tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số: 0012942 ngày 25/9/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND P. C, Tp. BMT;
- (GCNKH số 172, ngày 04/12/2009)
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư